

## PHẬT GIÁO VIỆT NAM VỚI AN SINH XÃ HỘI – GIÁO LÝ VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Ngọc Dung<sup>(1)</sup>

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Ngày nhận bài 03/01/2020; Ngày gửi phản biện 10/01/2020; Chấp nhận đăng 30/03/2020

Liên hệ email: [nndung@vnuhcm.edu.vn](mailto:nndung@vnuhcm.edu.vn)

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2020.02.019>

---

### **Tóm tắt**

An sinh xã hội là trạng thái đảm bảo cho cá nhân và cộng đồng xã hội sinh tồn bền vững. Đó là một lĩnh vực rộng lớn, trong đó có sự tham gia của nhà nước, cá nhân, các tổ chức xã hội khác nhau. Phật giáo Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn cho công tác an sinh xã hội, góp phần thực hiện xóa đói giảm nghèo, phát triển xã hội hài hòa, bền vững. Về mặt giáo lý, với tư tưởng thâm sâu của mình, Phật giáo đã cống hiến cho cộng đồng dân tộc Việt Nam một lối sống lành mạnh, hài hòa, tôn trọng và gìn giữ môi trường thiên nhiên; tạo ra sự chuyển hóa tinh thần xã hội từ các quan hệ đối kháng sang quan hệ hợp tác và tùy thuộc lẫn nhau, cùng hướng đến những giá trị nhân văn sâu sắc. Về thực tiễn, trong nhiều năm qua, cộng đồng Phật giáo Việt Nam đã thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội to lớn, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo trợ nhiều đối tượng xã hội khó khăn cơ nhỡ; cùng nhà nước và các tổ chức xã hội khác thực hiện chính sách an sinh xã hội rất hiệu quả.

**Từ khóa:** an sinh xã hội, Phật giáo, tinh thần, thuyết Trung Đạo, vật chất

### **Abstract**

#### **VIETNAM'S BUDDHISM AND THE SOCIAL SECURITY ISSUES: DOCTRINE AND PRACTICE**

Social security is a state sponsoring the survival of individuals and social community substantially. It is a vast field, with the participation of the state, individuals, and various social organizations. Vietnam's Buddhism has made great contributions to social security, contributing to poverty reduction and harmonious and sustainable social development. In terms of doctrine, with its profound thought, Buddhism has devoted to the Vietnamese ethnic community a healthy, harmonious, respectful way and preserving the natural environment; creating a social-spiritual transformation from opposing relations to cooperative and interdependent relationships, towards deep human values. In practice, for many years, the Vietnamese Buddhist community has implemented many great social security programs contributing to hunger elimination and poverty reduction, sponsoring many disadvantaged social objects; together with the government and other social organizations implement effective social security policies.

## 1. Đặt vấn đề

An sinh xã hội trạng thái đảm bảo cho cá nhân và cộng đồng xã hội sinh tồn bền vững. An sinh xã hội là một khái niệm rộng, bao gồm các chính sách xã hội của chính phủ, các chương trình và hoạt động từ thiện của các tổ chức xã hội. Đối tượng của nó có thể là một cộng đồng, nhóm người hoặc mỗi thành viên xã hội. Trong những năm gần đây, an sinh xã hội ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong các lĩnh vực chăm sóc y tế, bảo vệ sức khỏe, hỗ trợ việc làm, cứu trợ cho những gia đình khó khăn...

Phật giáo đối với an sinh xã hội như thế nào? Trong những năm gần đây, Phật giáo Việt Nam đóng vai trò gì trong lĩnh vực an sinh xã hội? Là một tổ chức xã hội rộng lớn, về mặt giáo lý, với tư tưởng thâm sâu của mình, có phải Phật giáo đã cống hiến cho cộng đồng dân tộc Việt Nam một lối sống lành mạnh, hài hòa, tôn trọng và gìn giữ môi trường thiên nhiên. Về thực tiễn, trong nhiều năm qua, cộng đồng Phật giáo Việt Nam đã thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo trợ nhiều đối tượng xã hội khó khăn cơ nhỡ; cùng nhà nước và các tổ chức xã hội khác thực hiện chính sách an sinh xã hội rất hiệu quả. Mục tiêu của bài viết là nhằm chỉ ra bản chất an sinh xã hội trong Phật giáo cả về lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Hiện nay đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu về an sinh xã hội Việt Nam, nhưng việc kết nối Phật giáo với an sinh xã hội còn là cách tiếp cận mới mẻ. Vì thế, khai thác kinh sách Phật giáo cũng như tìm hiểu thực tiễn hoạt động xã hội của cộng đồng Phật giáo Việt Nam thời gian qua trở thành nền tảng nghiên cứu và phân luận trong bài viết này. Về phương pháp luận, phải làm rõ nội hàm các khái niệm liên quan đến an sinh xã hội và thuyết lý đạo Phật.

Hai khái niệm được đề xuất ở đây là “an sinh xã hội vật chất” và “an sinh xã hội tinh thần. Đó được xem như hai khái niệm tương đối độc lập lẫn nhau, nhưng vẫn là hai mặt của một thể thống nhất. Để làm rõ tư tưởng an sinh xã hội tương quan thế nào với thuyết lý đạo Phật, chúng tôi sẽ không miêu tả kỹ nội dung học thuyết này, mà chỉ tìm những lập trường quan điểm trong đó phản ánh nhận thức và phương pháp liên quan đến an sinh xã hội của Phật giáo.

Giả thuyết nghiên cứu của chúng tôi là: Thuyết lý đạo Phật cung cấp chìa khóa cho việc giải quyết rốt ráo các vấn đề an sinh xã hội; và thực hành Phật giáo dẫn đến lối sống lành mạnh, hài hòa, tôn trọng và gìn giữ môi trường thiên nhiên; tạo ra sự chuyển hóa tinh thần xã hội từ các quan hệ đối kháng sang quan hệ hợp tác và tùy thuộc lẫn nhau, cùng hướng đến những giá trị nhân văn sâu sắc. Để chứng minh luận đề này, (1) chúng tôi bắt đầu từ việc phân luận vai trò triết lý Phật giáo trong các hoạt động xã hội và tư tưởng xã hội; (2) chỉ ra sự bất cập tương đối trong các hoạt động an sinh xã hội hiện thời; (3) tìm kiếm sự giao thoa về tư tưởng giữa an sinh xã hội với triết lý Phật giáo, so sánh mục tiêu

của an sinh xã hội và của Phật giáo trong việc xây dựng một xã hội hài hòa, phát triển; (4) vai trò cộng đồng Phật giáo trong công tác an sinh xã hội ở Việt Nam.

### **3. Kết quả nghiên cứu, thảo luận**

#### **3.1 Khái niệm về an sinh xã hội**

An sinh xã hội hiện nay là một khái niệm rộng, bao gồm các chính sách xã hội của chính phủ, các chương trình và hoạt động từ thiện của các tổ chức xã hội. An sinh xã hội dựa trên nguyên tắc san sẻ trách nhiệm và thực hiện công bằng xã hội, được thực hiện bằng nhiều hình thức, phương thức và biện pháp khác nhau. Có nhiều quan niệm về an sinh xã hội; tựu trung lại, có thể hiểu như sau:

Theo nghĩa rộng, “an sinh xã hội” (Social Security) là sự đảm bảo thực hiện các quyền cơ bản của con người được sống trong hoà bình, được thoả mãn nhu cầu sống thiết yếu khi gặp tai nạn, rủi ro, già yếu, bệnh tật... Điều 22 của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền phát biểu rằng “Mọi người, như một thành viên của xã hội, có quyền an sinh xã hội và được quyền thực hiện, thông qua nỗ lực quốc gia và hợp tác quốc tế và phù hợp với tổ chức và các nguồn lực của mỗi quốc gia, các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa không thể thiếu cho nhân phẩm của mình và sự phát triển tự do của nhân cách của mình” (Liên Hiệp Quốc, 1948).

Theo nghĩa hẹp, “an sinh xã hội” được hiểu là sự bảo đảm thu nhập kinh tế và một số điều kiện sinh sống thiết yếu khác cho cá nhân hoặc gia đình khi các đối tượng bị rơi vào tình trạng khó khăn về thu nhập, việc làm, thất nghiệp; cho người già yếu, cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, người nghèo, người bị thiên tai, dịch họa v.v.. Theo công ước số 102 của Tổ chức lao động quốc tế (*International Labour Organization - ILO*) đã thể hiện sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên thông qua hàng loạt các biện pháp công cộng nhằm khắc phục tình cảnh nghèo khổ của những đối tượng xã hội do ốm đau, thai sản, thương tật trong lao động, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già, tử vong; sự cung cấp về chăm sóc y tế và các khoản tiền trợ cấp cho các gia đình đông con....

An sinh xã hội là một hiện tượng xã hội xuất hiện từ thời cổ đại. Trong Do Thái giáo, tín đồ phải thực hiện nghĩa vụ từ thiện (tzedakah). Hồi giáo đề ra những nguyên tắc hỗ trợ xã hội, bao gồm các loại thuế tín đồ Hồi giáo phải nộp (như Zakat và Jizya), đưa vào ngân khố nhà nước để giúp đỡ những đối tượng như người già, trẻ mồ côi, góa phụ, người nghèo. Tại châu Âu thời phong kiến, Giáo hội La Mã cũng góp phần quan trọng trong công tác an sinh xã hội.

Không chỉ trong hoạt động tôn giáo, an sinh xã hội cũng sớm có vị trí trong hoạt động quản lý của nhà nước. Thời La Mã cổ đại, nhà nước đã có những chương trình phúc lợi xã hội dành cho người nghèo. Tại phương Đông, nhiều nhà nước phong kiến cũng thực thi chính sách hỗ trợ đối với người già cô đơn, trẻ mồ côi, dân cư vùng thiên tai dịch họa thông qua các chương trình cứu tế, phát chẩn.

Từ khoảng cuối thế kỷ XIX trở đi, vấn đề an sinh xã hội ngày càng được quan tâm. Chương trình phúc lợi xã hội của nhà nước bắt đầu mang tính hệ thống và quy củ ở nhiều quốc gia phương Tây. Hiện nay, hệ thống an sinh xã hội của họ khá hoàn thiện. Chẳng hạn ở Mỹ, hiện nay an sinh xã hội là nền tảng của an ninh kinh tế cho hàng triệu người Mỹ về hưu, người khuyết tật và gia đình của những người lao động đã nghỉ hưu, tàn tật hoặc đã qua đời. An sinh xã hội ở Mỹ phần lớn là một chương trình trả tiền khi tham gia hệ thống. Điều này có nghĩa là người lao động Mỹ ngày nay phải trả thuế an sinh xã hội cho chương trình và tiền đó sẽ được chi trả dưới dạng thu nhập hàng tháng cho người thụ hưởng. An sinh xã hội khác với lương hưu của công ty, vốn được tài trợ trước. Khoảng 169 triệu người Mỹ phải trả thuế An sinh xã hội và 61 triệu người thụ tiền trợ cấp hàng tháng. Khoảng một trong bốn người trong mỗi gia đình nhận được thu nhập từ An sinh xã hội. Lợi ích an sinh xã hội trung bình trong tháng 6 năm 2017 là 1.391 USD/tháng cho người lao động đã nghỉ hưu, 1,3071 USD/tháng cho góa phụ hoặc góa phụ trên 60 tuổi; 1.172 USD/tháng cho người lao động khuyết tật. Phúc lợi an sinh xã hội tối đa cho một công nhân Mỹ nghỉ hưu đúng tuổi năm 2017 là 2.687 USD/tháng (NASI).

### ***3.2 An sinh xã hội và Phật giáo - sự tương quan tư tưởng***

Dù sao, khái niệm an sinh xã hội được đề cập trên đây - dù là nghĩa rộng hay nghĩa hẹp - chủ yếu liên quan đến sinh hoạt vật chất; trong khi chúng tôi muốn bàn an sinh xã hội theo tầm bao quát nhất – nghĩa là an sinh xã hội không chỉ ở khía cạnh vật chất mà còn ở khía cạnh tinh thần. Chúng ta hoàn toàn có thể đặt vấn đề như vậy trong mối tương quan với giáo lý của đạo Phật.

Như vậy, về bản chất, an sinh xã hội vật chất là sự khắc phục những khiếm khuyết xã hội do tình trạng bất công, bất bình đẳng, nghèo đói, bệnh tật, tai họa, tham lam, xung đột, chiếm đoạt lẫn nhau của con người trong quan hệ xã hội. Tình trạng đó vẫn hiện hữu hàng nghìn năm nay, gây nên sự bất ổn triền miên cho xã hội và các thành viên của nó. Những thập niên gần đây, xu hướng toàn cầu hóa và hiện đại hóa đời sống nhân loại không chỉ làm bùng nổ thêm các vấn đề xã hội mà còn gây trầm trọng thêm những vấn đề sinh thái; giờ đây không chỉ an sinh xã hội mà còn là an sinh môi trường sống nữa. Bao nhiêu công sức của các chính phủ, các đoàn thể xã hội tập trung cho công tác an sinh xã hội nhiều khi trở nên mong manh: bạo lực vẫn hoàn bạo lực, vẫn bất công, nghèo đói, tham nhũng, cướp bóc con người và thiên nhiên... Theo chúng tôi, công tác an sinh xã hội vật chất, dù mang tính nhân đạo cao cả và đạt được nhiều thành tựu quý báu, nhưng vẫn không thể tối giảm những khổ đau, ngang trái trong xã hội loài người.

Gốc rễ của mọi vấn đề trên nằm ở quá trình phá hủy sự cân bằng vũ trụ thuộc mọi chiều kích trong các mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, con người với xã hội. Đối với thiên nhiên, con người vẫn hành xử như một vị chúa tể; đối với đồng loại, con người hành xử trên lập trường vị kỷ “tham, sân, si” “hỷ, ái, nộ” (Nguyễn Ngọc Dung, 2014). Để tái lập lại sự cân bằng mang tính vũ trụ phổ quát vừa nhắc đến, tất nhiên phải bắt đầu từ vấn đề con người. Ở đây, Phật giáo, với tư cách một hệ thống mang tính khoa

học, chính là một phương án an sinh xã hội rất khả thi, hàm chứa trong đó cả ý nghĩa vật chất và tinh thần.

Trung Đạo (*Madhyama pratipad*) là một trong những triết lý nền tảng của Phật giáo. Đoạn kinh bàn về tư tưởng Trung đạo đầu tiên được ghi trong Tương Ưng Bộ Kinh (*Samyutta-Nikāya*) là *Kaccāyanagotta - Sutta*. Trong kinh này, Đức Phật nói với Ca Chiên Diên rằng, thực chứng Trung Đạo là do tránh xa các biên kiến. “Này Ca-chiên-diên! Chấp *có* là một biên kiến, chấp *không* là một biên kiến khác. Như Lai lìa hai biên kiến đó mà thuyết pháp một cách trung đạo. Nghĩa là: “Cái này có vì cái kia có, cái này sinh vì có cái kia sinh”. “Này Ca-chiên-diên! Bằng chính trí mà thấy như thật, thế gian hằng sinh khởi, thì thế gian này không phải là “không”. Bằng chính trí mà thấy như thật, thế gian hằng hoại diệt, thì thế gian này không phải là “có”. Đó gọi là lìa hai cực đoan, là pháp Trung Đạo” (Thích Minh Châu, 1993).

Chính kiến là cách nhìn đúng, là tương phản với từ “biên kiến” có nghĩa là cách nhìn sai lệch. “Trung Đạo” là con đường đúng, con đường xa lìa các cực đoan và một chiều. Theo Đức Phật và Đức Long Thọ sau này, Trung Đạo là “chính kiến” (*sammādr̥ṣṭi*) là cách nhìn chân chính, vượt qua sự biệt có/không (*bhāva/abhāva*), hiện hữu/không hiện hữu (*astitva/nāstitva*). Để có được cái nhìn vượt lên các lý thuyết và quan điểm nhị nguyên, người ta phải thực chứng cái “vô ngã”, buông bỏ chấp thủ (*upādāna*); khi ấy họ mới có tâm thức vô phân biệt. Đây không phải lý thuyết về sự thỏa hiệp hay quân bình giữa hai thái cực đối lập nhằm đi đến một thực tại lưỡng cực; mà là thứ lý thuyết phù hợp với “tính không” của vạn vật. Nếu hiểu như Aristotle, triết gia Hy Lạp cổ đại về “Trung đạo” thì sự thỏa hiệp hay quân bình giữa hai cực đối lập chỉ dẫn đến một tình trạng hòa hợp tạm thời chứ không rốt ráo.

Trung Đạo Phật giáo theo ánh sáng của tánh “*Không*”. Học thuyết này, trong khi chấp nhận sự tồn tại giữa các mặt đối lập như là một sự thống nhất (tính *đồng hiện* và *đồng biến*), nhưng từ chối sự “*thái quá*” hoặc “*bất cập*” của chúng; đồng thời chỉ ra tính “*thống nhất trong đa dạng*” của vạn vật và bản chất tùy thuộc, chuyển hóa lẫn nhau (tức *vô ngã, vô thường*). Đây chính là phương thức sinh tồn và phát triển tối ưu của vạn vật, trong đó có con người và các quan hệ xã hội của họ.

Vậy thuyết Trung Đạo của Phật giáo mang bản chất an sinh xã hội tinh thần; nó giải quyết rốt ráo mọi khủng hoảng nội tâm vốn là nguyên nhân mọi bất ổn xã hội. Vậy, an sinh xã hội tinh thần là gì, nếu không phải là sự chuyển hóa tinh thần xã hội từ đối kháng sang hợp tác và tùy thuộc lẫn nhau, cùng hướng đến những giá trị nhân văn sâu sắc? Trong trường hợp một xã hội tuân thủ thuyết Trung Đạo, các quan hệ xã hội mà phần lớn mang tính đối kháng cao độ như nghiệp chủ - làm thuê, lãnh đạo - nhân viên, giàu - nghèo, địa vị xã hội cao - thấp, sang - hèn... dần dần trở nên tùy thuộc lẫn nhau, cộng sinh nhau, không phân biệt nhau, dù không hết sự không phân biệt, đối đãi. Các quan hệ xã hội trở nên không bất cập, cũng không thái quá. Khi ấy, xã hội sẽ phát triển hài hòa, bền vững. Những bất công, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột và tệ nạn xã hội

khác được tối giảm. Đó cũng là quá trình chuyển hóa từ lĩnh vực an sinh tinh thần xã hội sang lĩnh vực an sinh vật chất xã hội, thông qua hoạt động thực tiễn của con người.

### **3.3. Đạo đức, lối sống Phật giáo với an sinh xã hội**

Trong thế giới ngày nay, sản xuất vật chất tiếp tục gia tăng nhưng vẫn không đáp ứng nổi những nhu cầu vô tận của con người, không rút ngắn được khoảng cách giàu - nghèo giữa các cá nhân, giai cấp, dân tộc; không loại bỏ được tình trạng thiếu lương thực, thiếu nguồn nước sạch, thiếu y tế, giáo dục, nhà ở. Trong khi môi trường bị xâm hại đến mức kiệt quệ, môi sinh bị ô nhiễm nặng nề, đe dọa sự sống trên trái đất, nhiều loài sinh vật bị diệt chủng. Chủ nghĩa *sùng bái vật chất* vẫn tiếp tục được con người đề cao và say mê theo đuổi...

Phật giáo từ xa xưa đã nhận thấy, các cuộc cải tạo xã hội, nếu chỉ diễn ra bên ngoài cá nhân con người thì khó rút ráo. Muốn thay đổi căn bản những vấn đề nan giải của xã hội, cần có cách tiếp cận thay đổi con người từ bên trong. Vì thế, Phật giáo luôn *lấy cá nhân làm đối tượng chuyển hóa* và đề cao mọi nỗ lực cá nhân; từ đó mới bàn đến chuyển hóa xã hội. Đây chính là chỗ mấu chốt nhiệm của Phật giáo khi so với những giáo lý hiện hữu khác.

“Ngũ giới luật” và “Bát chánh đạo” (còn gọi là Trung Đạo) là nền tảng của toàn bộ đạo đức Phật giáo. Khi thực hành “ngũ giới”, Phật giáo không tách rời lợi ích cá nhân khỏi lợi ích xã hội. Vì dưới ánh sáng Trung Đạo, cá nhân – xã hội chỉ là một thể tùy thuộc, trong đó hành vi cá nhân cũng là hành vi xã hội. Chẳng hạn, sát sanh liên quan đến bạo lực, giết chóc, xung đột xã hội và chiến tranh; trộm cắp liên quan đến tài sản hay lợi ích kinh tế - nguồn gốc quan trọng của mọi mâu thuẫn xã hội; tà dâm liên quan đến đức hạnh cá nhân và đời sống gia đình bền vững, xã hội ổn định; nói dối liên quan đến lừa gạt, mà đỉnh điểm là sự lừa gạt chính trị, lừa gạt kinh tế, lừa gạt đức tin. Với “Bát chánh đạo”, Đức Phật mô tả đó là con đường chấm dứt đau khổ (dukkha) và đạt được tự giác. Tất cả những yếu tố căn bản, hoặc những giai đoạn của con đường bát đầu bằng chữ “chánh/đúng” (samma - tiếng Pali), hay “hoàn hảo”. Trong biểu tượng Phật giáo, Bát chánh đạo được biểu thị trong bánh xe Pháp, tám căm xe đại diện cho tám yếu tố của đạo lộ. Xuất phát điểm của Bát Chánh Đạo là “Chánh kiến” - “thấy đúng” hoặc “cái thấy chân xác”. Thực chất, chánh kiến là cái thấy về lý duyên khởi hay duyên sinh (paṭiccasamuppāda), trạng thái của tất cả các hiện tượng; nghĩa là thấy các pháp đều tương duyên và tùy thuộc lẫn nhau, không có pháp tồn tại độc lập; chúng cùng nằm trong tương quan tồn tại và hoại diệt. Đó là chìa khóa để mở cánh cửa tự do, là nhận thức thực tại đúng với bản chất của nó đối với người đã giác ngộ, nghĩa là thấy các pháp tương quan tồn tại, hay là các pháp có tự tánh Vô ngã.

Rõ ràng, đạo đức Phật giáo đặt nền tảng an sinh gốc rễ ngay từ cấp độ cá nhân đến gia đình và xã hội (an sinh tinh thần). Trên thực tế, Phật giáo đã thực hiện nhiều chức năng xã hội, trong đó có chức năng tư tưởng. Như Karl Marx từng nhận định: một khi tư tưởng ăn sâu vào đời sống xã hội, nó sẽ trở thành một lực lượng vật chất. Về điểm

này, một học giả khác cũng đã viết: “Tôn giáo thường có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với các nguồn lực xã hội..., kết hợp với nguồn nhân lực và tài lực, quyết định sự tăng trưởng kinh tế quốc gia” (Iannaccone, 1998). Như vậy, một khi tư tưởng đạo đức Phật giáo tác động tới cấu trúc xã hội hiện đại, có thể xuất hiện một lối sống trong đó, sự tiến bộ vật chất của con người luôn diễn ra trong điều kiện hoàn thiện mọi đức hạnh vốn được xem như “bổn phận trở thành” của con người.

Trái với chủ nghĩa sùng bái vật chất hiện đại, cho rằng hạnh phúc là sự thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người, đạo đức Phật giáo hướng đến các hoạt động/hành vi đảm bảo sự hài hòa giữa tinh thần và vật chất. Con người cần tu tập trong bốn nhu cầu *ăn - mặc - ở - thuốc thang* để trở nên an lạc, hạnh phúc, tránh những ham muốn vô độ, bất thiện. Có lẽ đây là câu trả lời cho tình trạng sản xuất quá mức, tiêu dùng quá độ của cải vật chất trong xã hội hiện đại. Kinh sách Phật giáo cũng chỉ ra những vấn nạn xã hội sinh ra từ nghèo khổ, làm tha hóa bản tính con người, đẩy họ đến hành động trộm cắp, tham lam, gian dối, ác độc...các hành vi bất thiện nói chung. Cho nên Phật giáo khuyến khích con người sống trên tinh thần đạo đức Phật giáo, thực hành “Bát chánh đạo”, “*từ, bi, hỷ, xả*”, “*rộng lượng bố thí*”. Với họ, hành nghề trước hết như *bổn phận*, chứ không phải mách lới; để an lạc hạnh phúc, chứ không phải duy nhất cầu lợi (lợi mình, thiệt người). Nếu được như vậy, mỗi cá nhân trong sinh hoạt thường ngày của mình đã dựa trên đức tin và nguyên lý “*Trung đạo*” Phật giáo; tất yếu dẫn đến một xã hội phát triển hài hòa, bền vững – nguồn an sinh xã hội lâu bền nhất.

### **3.4. Phật giáo Việt Nam với an sinh xã hội**

Đạo Phật là một tôn giáo nhập thế - “Phật pháp bất ly thế gian pháp”. Toàn bộ triết lý nhân sinh của Phật giáo mang bản chất nhân văn cao cả. Phật giáo luôn đề cao lòng từ bi, bác ái; thể hiện tinh thần nhập thế hành đạo. Kinh nhà Phật luôn nhắc đến tinh thần vô ngã, vị tha, trách nhiệm cộng đồng. Các giáo lý căn bản của Phật giáo như *ngũ giới* (không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu), *tứ vô lượng* (*từ, bi, hỷ, xả*), *lục độ* (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ), *tứ nhiếp* (bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự) đều hướng con người đến chí thiện, hòa hợp cá nhân với xã hội, tạo dựng một cuộc sống hài hòa giữa các giai tầng xã hội.

Ở Việt Nam, an sinh xã hội được coi là nhiệm vụ thường xuyên của nhà nước và toàn thể xã hội. Điều 34 Hiến pháp năm 2013 đã xác lập quyền an sinh xã hội của người dân. Theo kế hoạch chung, đến năm 2020, Việt Nam cơ bản hình thành hệ thống an sinh xã hội toàn dân, với các yêu cầu như bảo đảm người dân có việc làm, thu nhập tối thiểu; tham gia bảo hiểm xã hội và bảo đảm hỗ trợ kịp thời những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi thu thập thấp, người khuyết tật nặng, người nghèo...); góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân (Đào Quang Vinh, 2017).

Ở Việt Nam hiện nay, hệ thống chính sách an sinh xã hội gồm 4 nhóm chủ yếu: (1) Chính sách việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo;(2) Chính sách bảo hiểm

xã hội;(3) Chính sách trợ giúp xã hội (bao gồm chính sách trợ cấp thường xuyên và trợ cấp đột xuất); (4) Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản (giúp người dân tiếp cận các dịch vụ cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin truyền thông) (Đào Quang Vinh, 2017).

Trước đây, Phật giáo chủ yếu tham gia vào các hoạt động nhân đạo, từ thiện; hình thức chủ yếu là quyên góp tiền bạc để trợ giúp cho đồng bào chịu thiên tai, lũ lụt. Việc trợ giúp thường xuyên chủ yếu dành cho một số cơ sở từ thiện (trung tâm bảo trợ, Tuệ Tĩnh đường). Hiện nay, Phật giáo đã tham gia tất cả các nội dung cơ bản của an sinh xã hội, với những mức độ khác nhau. Chẳng hạn như bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững; trợ giúp xã hội cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phát triển bảo hiểm xã hội (bao gồm cả bảo hiểm y tế) và tiếp cận dịch vụ xã hội ở mức tối thiểu (dịch vụ giáo dục, y tế, nhà ở tối thiểu; dịch vụ nước sạch và dịch vụ thông tin). Phật giáo cũng đã mở rộng các hoạt động giải quyết việc làm gắn với giảm nghèo bền vững, tổ chức trợ giúp cơ bản về giáo dục, y tế và chỗ ở cho người dân (Đào Quang Vinh, 2017). Ở mỗi tỉnh thành hầu hết đều có những tổ chức Phật giáo làm công tác bảo trợ xã hội cho những nhóm người cơ nhỡ, khó khăn. Đơn cử tại Đà Nẵng, chùa Quang Châu do Sư cô Thích Nữ Minh Tịnh trụ trì, chuyên nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi; Tuệ Tĩnh đường Pháp Lâm của Thành Hội Phật giáo, Tuệ Tĩnh đường chùa Hoà Nam thuộc giáo hội Nam Tông Phật đường Minh sư đạo...các cơ sở bác ái này đã khám chữa bệnh cho hàng chục nghìn lượt người, đa số là đồng bào nghèo khó [10].

Báo cáo *Tổng kết công tác Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VI (2007-2012)* cho biết: Trong những năm này, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã vận động tăng, ni, phật tử, các nhà hảo tâm, đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài đóng góp, ủng hộ vật chất, tinh thần cho các phong trào xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; đã quyên góp cho công tác đảm bảo an sinh xã hội trị giá hơn 2.879 tỷ đồng. Riêng năm 2015, Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp và tăng ni, phật tử trong cả nước tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động nhân đạo từ thiện, xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa trên địa bàn dân cư; huy động sự đóng góp của toàn xã hội trị giá trên 1.164 tỷ đồng. Năm 2016, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục nỗ lực vận động đóng góp vào công tác xóa đói, giảm nghèo, chữa bệnh, cứu giúp người bệnh có hoàn cảnh khó khăn, tạo công ăn việc làm cho người có hoàn cảnh đặc biệt; cứu trợ và giúp đỡ bà con ngư dân ở 4 tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường do Công ty Formosa gây ra, giúp đỡ đồng bào vùng bão lũ tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị... góp phần khắc phục thiệt hại, sớm ổn định cuộc sống. Tổng số tiền và hiện vật quyên góp dành cho công tác từ thiện, nhân đạo và đảm bảo an sinh xã hội năm 2016 là hơn 1.330 tỷ đồng. Năm 2018, tổng số tiền từ thiện xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là hơn 2.200 tỷ đồng (Huy Sơn, 2016).

Các chương trình an sinh xã hội của Phật giáo luôn có sức hút và lan tỏa rộng rãi, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội trong cả nước. Hoạt động từ thiện- xã hội của Phật giáo trong những năm qua đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong lòng xã hội, thể hiện rõ chức năng an sinh xã hội của Phật giáo.



Bên cạnh những đóng góp to lớn, hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo hiện vẫn còn một số bất cập. *Thứ nhất*, các hoạt động xã hội của Phật giáo đa dạng, phong phú nhưng hầu hết tập trung vào khía cạnh nhân đạo, từ thiện; chưa chú ý đúng mức tới phương diện chính sách an sinh xã hội, bảo đảm phúc lợi xã hội. *Thứ hai*, tính kết nối hệ thống trong hoạt động xã hội từ thiện của Phật giáo chưa cao; trình độ tổ chức của đội ngũ làm công tác bảo trợ xã hội còn hạn chế, chưa có tính chuyên nghiệp. *Thứ ba*, các cơ sở dạy nghề còn phân tán, nhỏ lẻ, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn nghèo nàn, mới chỉ đào tạo được những nghề giản đơn. Một số lý do khác như việc thiếu hiểu biết luật pháp và thiếu sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, khiến một vài cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật bị lợi dụng, làm ảnh hưởng đến uy tín của Phật giáo (Đào Quang Vinh, 2017). Để phát huy hơn nữa vai trò của Phật giáo trong công tác an sinh xã hội, rất cần sự đổi mới trong hoạt động của Giáo hội Phật giáo; và sự hỗ trợ, phối hợp của các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể xã hội. Trong quá trình hội nhập và phát triển, những chuyển biến kinh tế - xã hội làm xuất hiện thêm nhiều vấn nạn xã hội mới, gây trở ngại cho quá trình phát triển bền vững của đất nước. Cộng đồng Phật giáo Việt Nam - một tổ chức xã hội to lớn - chắc chắn vẫn là một lực lượng quan trọng, góp phần đáng kể trong việc giải quyết những vấn đề an sinh xã hội đặt ra.

#### 4. Kết luận

Về bản chất, an sinh xã hội là sự khắc phục những khiếm khuyết xã hội do tình trạng bất công, nghèo đói, bệnh tật, tai họa, tham lam, xung đột, chiếm đoạt lẫn nhau của con người trong quan hệ xã hội. Trong xã hội hiện đại, thực hiện an sinh xã hội đã trở thành một chức năng xã hội của bộ máy nhà nước.

Đối với nhà nước, *an sinh xã hội vật chất* hiện nay là bảo đảm người dân có việc làm, thu nhập tối thiểu; tham gia bảo hiểm xã hội và bảo đảm hỗ trợ kịp thời những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo; góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc cho họ; từ đó mà xây dựng các chương trình phúc lợi xã hội phù hợp. Đây là nền tảng để xây dựng một xã hội công bằng, bác ái. Hơn nữa, an sinh xã hội không chỉ giải quyết các vấn đề xã hội mà còn góp phần quan trọng trong việc bình ổn và phát triển xã hội, làm cho xã hội tốt đẹp, văn minh hơn. Vì thế, trong xã hội hiện đại, an sinh xã hội ngày càng được củng cố, hoàn thiện để trở thành một chức năng xã hội của bộ máy nhà nước.

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhưng hoạt động an sinh xã hội do nhà nước hay các tổ chức xã hội thực hiện - theo chúng tôi - chỉ là giải quyết hiện tượng (phần ngọn), còn bản chất (phần gốc) của an sinh xã hội nằm ở khái niệm ‘an sinh xã hội tinh thần’. Muốn thay đổi căn bản những vấn đề nan giải của xã hội, cần có cách tiếp cận thay đổi con người từ bên trong. Tư tưởng Phật giáo - mang bản chất an sinh xã hội hoàn hảo - chính là phương tiện để chuyển hóa nội tâm con người, từ đó dẫn đến chuyển hóa xã hội theo hướng công bằng, bác ái, tương trợ lẫn nhau trong quan hệ xã hội.

Thực hành đạo đức Phật giáo sẽ tạo dựng nền tảng an sinh gốc rễ ngay từ cấp độ cá nhân, gia đình đến xã hội. Một khi tư tưởng đạo đức Phật giáo ăn sâu vào đời sống xã hội, nó sẽ trở thành một lực lượng vật chất, làm thay đổi thế giới theo chiều hướng tốt đẹp, ít khiếm khuyết; cũng có nghĩa là công tác an sinh xã hội khi ấy sẽ trở nên tối giản.

Trong nhiều năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp to lớn vào công tác an sinh xã hội; thể hiện tinh thần nhập thế cao cả và trách nhiệm lớn lao với cộng đồng. Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách xã hội hiện hành, chấn chỉnh tổ chức; phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các đoàn thể xã hội, tổ chức tôn giáo để công tác an sinh xã hội nước ta ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Quang Vinh (2017). *An sinh xã hội ở Việt Nam: Những thành tựu, thách thức và định hướng phát triển*. Viện Khoa học lao động và xã hội (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).
- [2] L. Iannaccone (1998). Introduction to the Economic of Religion. *Journal of Economic Literature*, Vol. 36, pp. 1465-96.
- [3] Liên Hiệp Quốc (1948). *Universal Declaration of Human Rights (Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền)*. Nghị quyết số 217A – III). <https://www.un.org/en/universal-declaration-human-rights/>
- [4] Huy Sơn (2016). Giáo hội Phật giáo: Năm 2015 làm từ thiện xã hội trên 1.164 tỷ đồng. *Báo VOV online*, ngày 13/01/2016.
- [5] National Academy of Social Insurance - NASI. *What is Social Security?* <https://www.nasi.org/learn/socialsecurity/overview>
- [6] Nguyễn Ngọc Dung (2014). Phật giáo với những vấn đề toàn cầu hiện nay. Thích Nhật Từ, Trương Văn Chung, Nguyễn Công Lý (đồng chủ biên, 2014). *Phật giáo với các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc*. NXB Đại học Quốc gia TP HCM.
- [7] Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (1952). Quy phạm tối thiểu an toàn xã hội. Công ước 102. <https://thukyluat.vn/vb/cong-uoc-102-nam-1952-quy-pham-toi-thieu-an-toan-xa-hoi-193a5.html>
- [8] Thích Minh Châu dịch (1993). *Kinh Tương ưng bộ* - mục XV. Kaccàyanagotta - Ca-chiên-diên Thị, Tập 12.19 Đại 2,85c (S.ii, 16); Đại tạng kinh Việt Nam.
- [9] Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2007). *Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VI (2007-2012)*. Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- [10] Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2016). *Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 2016*. Giáo hội Phật giáo Việt Nam.